



TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP  
Dong Thap University Journal of Science

Số Đặc biệt Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn

ISSN 0866-7675 | e-ISSN 2815-567X



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1868>

## TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ DẠY HỌC TIẾNG ANH THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC DÀNH CHO SINH VIÊN KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE

Đặng Như Thụy Vy<sup>1,2</sup> và Bùi Đức Tú<sup>3\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Việt Nam

<sup>2</sup>Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam

<sup>3</sup>Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ, Email: [bdtu@sgu.edu.vn](mailto:bdtu@sgu.edu.vn)

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 01/4/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 15/4/2026; Ngày duyệt đăng: 20/4/2026

### Tóm tắt

Sự hội nhập sâu rộng của hệ thống y tế toàn cầu trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã đưa tiếng Anh trở thành công cụ định hình năng lực chuyên môn và khả năng thích ứng của nhân lực ngành sức khỏe. Tuy nhiên, thực tiễn giáo dục đại học hiện nay đang đối mặt với những nghịch lý: sự chênh lệch trình độ đầu vào của sinh viên không chuyên ngữ và sự thiếu hụt tính phân hóa trong các chương trình đào tạo đại trà. Những rào cản này, cùng nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của tiếng Anh chuyên ngành, đã tạo nên một thực trạng dạy học mang tính đối phó và thiếu động lực tự thân. Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác lập hệ thống giải pháp quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực cho sinh viên khối ngành sức khỏe. Kết quả nghiên cứu đã chuẩn hóa khung lý thuyết về năng lực, đồng thời định vị quản lý dạy học là một quy trình tác động có hệ thống, hướng tới tối ưu hóa sự hình thành năng lực đặc thù nghề nghiệp cho người học. Thông qua việc nhận diện các nhân tố ảnh hưởng, nghiên cứu xác lập khoảng trống lý luận và thực tiễn trong quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực, đặc biệt đối với đối tượng đặc thù là sinh viên Y khoa. Từ đó, cung cấp cơ sở khoa học quan trọng để các cơ sở đào tạo tại phía Nam đổi mới phương thức quản lý, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực cạnh tranh cho đội ngũ y bác sĩ trong tương lai.

**Từ khóa:** Giáo dục đại học, khối ngành sức khỏe, quản lý dạy học, tiếp cận năng lực, tiếng Anh chuyên ngành.

Trích dẫn: Đặng, N. T. V., & Bùi, Đ. T. (2026). Tổng quan nghiên cứu về quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực dành cho sinh viên khối ngành sức khỏe. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(01S), 318-331. <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1868>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **A LITERATURE REVIEW ON THE MANAGEMENT OF COMPETENCY-BASED ENGLISH INSTRUCTION FOR HEALTH SCIENCE STUDENTS**

**Dang Nhu Thuy Vy<sup>1,2</sup> and Bui Duc Tu<sup>3\*</sup>**

<sup>1</sup>*Pham Ngoc Thach University of Medicine, Vietnam*

<sup>2</sup>*Postgraduate, Saigon University, Vietnam*

<sup>3</sup>*Saigon University, Vietnam*

*\*Corresponding author, Email: bdtu@sgu.edu.vn*

### **Article history**

*Received: 01/4/2026; Received in revised form: 15/4/2026; Accepted: 20/4/2026*

### **Abstract**

*The profound integration of the global healthcare system on the Fourth Industrial Revolution has positioned English as a pivotal tool in shaping professional competence and adaptability for the healthcare workforce. However, contemporary higher education practice is grappling with a paradox: the significant disparity in the initial proficiency levels of non-English major students and the lack of differentiation within standardized training programs. These barriers, compounded by an inadequate perception of the role of English for Specific Purposes (ESP), have resulted in a teaching and learning environment characterized by a reactive approach and a deficit in intrinsic motivation. This study established a comprehensive system of management solutions for competency-based English instruction tailored to students in the health sciences. The research findings have standardized the theoretical framework for competency while repositioning the management of instruction as a systematic process aimed at optimizing the formation of professional-specific competencies for learners. On identifying the influential factors, the study addresses the theoretical and practical gaps in managing English teaching and learning under a competency-based approach with the specific demographic of medical students. Consequently, it provides a crucial scientific foundation for educational institutions in Southern Vietnam to innovate their management modalities, thereby contributing to the enhancement of training quality and the competitive edge of the future medical workforce.*

**Keywords:** *Competency-based approach, English for Specific Purposes (ESP), health sciences, higher education, instructional management.*

## **1. Đặt vấn đề**

Trong kỷ nguyên hội nhập toàn cầu, giáo dục đại học đóng vai trò là phương tiện then chốt đưa đất nước tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế và thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững. Một nền giáo dục hiệu quả cần thoát khỏi sự vận hành theo các mô hình truyền thống – nơi kiến thức lý thuyết thuần túy chiếm ưu thế và thiếu hụt sự gắn kết với các kỹ năng thực tiễn. Từ đó, việc chuyển dịch sang mô hình giáo dục dựa trên năng lực (Competency-Based Education - CBE) trở thành xu thế tất yếu, nhằm đảm bảo người học hình thành các năng lực thực tế, phù hợp yêu cầu nghiệp vụ của từng ngành nghề.

Tại Việt Nam, chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục đã được Đảng và Nhà nước quán triệt sâu sắc thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Đặc biệt, công tác đào tạo ngoại ngữ được xác định là nhiệm vụ mang tính chiến lược trong tiến trình hội nhập và chuyên nghiệp hóa nguồn nhân lực. Quyết định số 1400/QĐ-TTg về “Đề án dạy và học ngoại ngữ 2008-2020” của Thủ tướng Chính phủ (2008) đã đặt ra mục tiêu định hình năng lực sử dụng ngoại ngữ độc lập cho thế hệ thanh niên tốt nghiệp các cấp, biến ngoại ngữ thành thế mạnh phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đối với khối ngành sức khỏe, tiếng Anh chuyên ngành không chỉ là vốn kiến thức bổ trợ mà còn là cầu nối đến các hoạt động nghiệp vụ quốc tế. Từ đó, xác định vấn đề cấp thiết trong việc đưa ra các giải pháp quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực cho sinh viên khối ngành sức khỏe tại khu vực Nam Bộ, cung cấp cơ sở khoa học cho việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y tế trong giai đoạn mới.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

Nghiên cứu hướng tới việc hệ thống hóa cơ sở lý luận và phân tích thực tiễn quản lý đào tạo nói chung, quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh nói riêng. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất hệ thống các giải pháp quản lý dạy học tiếng Anh theo hướng tiếp cận năng lực cho sinh viên khối ngành sức khỏe tại khu vực Nam Bộ. Mục tiêu cuối cùng là nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu nghề nghiệp thực tiễn của chương trình đào tạo.

### **2.1. Phương pháp luận nghiên cứu**

#### *2.1.1. Tiếp cận năng lực*

tiếp cận năng lực được xác lập là trọng tâm xuyên suốt quá trình nghiên cứu, chuyển dịch hệ quy chiếu từ "nội dung giảng dạy" sang "năng lực thực hiện" của người học. Đây là công cụ để phân tích và điều chỉnh các thành tố của quá trình dạy học, bao gồm mục tiêu, nội dung, phương pháp và đánh giá. Ngoài ra, tiếp cận năng lực được dùng để đối soát với nhu cầu thực tế của thị trường lao động y tế. Thao tác này giúp nhận diện các khoảng trống trong quản lý dạy học, từ đó xây dựng các giải pháp quản lý có trọng tâm, hướng đến việc hình thành năng lực nghề nghiệp thực tiễn thay vì chỉ tích lũy kiến thức thuần túy.

#### *2.1.2. Tiếp cận hệ thống*

Trong nghiên cứu này, phương pháp tiếp cận hệ thống không chỉ được xem xét như một đối tượng lý thuyết mà còn đóng vai trò là khung phân tích dữ liệu. Theo nguyên lý của (Von Bertalanffy & John, 1974), hoạt động dạy học và quản lý dạy học tiếng Anh được cấu trúc như một hệ thống mở, nơi các thành tố không tồn tại độc lập mà có sự tương tác và phụ thuộc lẫn nhau (interdependency).

Việc vận dụng cách tiếp cận này cho phép tác giả thực hiện quy trình cấu trúc các tài liệu nghiên cứu đã thu thập được thành các nhóm thành tố tương ứng với mô hình hệ thống, từ đó tạo ra một cái nhìn toàn cảnh và minh bạch về đối tượng nghiên cứu.

### *2.1.3. Tiếp cận quá trình*

Quản lý dạy học tiếng Anh được xác lập là một yếu tố quan trọng trong tổng thể hoạt động quản lý đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học khối ngành sức khỏe. Các biện pháp điều hành phải đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất, không chỉ dừng lại ở các can thiệp đơn lẻ mà phải bao quát toàn bộ chuỗi giá trị của quá trình dạy học: từ giai đoạn xác định mục tiêu, thiết kế chương trình, nội dung giảng dạy cho đến vận hành các hoạt động thực tế trên lớp và triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả.

### *2.1.4. Tiếp cận theo mô hình CIPO*

Đề tạo cơ sở cho khung lý thuyết, nghiên cứu sử dụng khung phân tích CIPO (Context - Input - Process - Output) như một công cụ để phân loại và tổng hợp các bằng chứng từ các công trình nghiên cứu tiền nhiệm (Bùi, 2024; Alhajia & cs., 2020). Cụ thể, dữ liệu lý thuyết được hệ thống hóa theo bốn trục chính:

**Bối cảnh (Context):** Tổng hợp các nghiên cứu về tác động của môi trường ngoại vi, định hướng chính sách giáo dục y khoa và yêu cầu đặc thù của thị trường lao động đối với năng lực ngoại ngữ của nhân viên y tế.

**Đầu vào (Input):** Phân tích các nguồn lực được quy định trong khung chương trình chuyên biệt, năng lực đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất kỹ thuật hỗ trợ đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học khối ngành sức khỏe.

**Quá trình (Process):** Hệ thống hóa các quy trình quản lý hoạt động dạy và học thực tế, bao gồm các phương pháp sư phạm tương tác và cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan.

**Đầu ra (Output):** Phân tích các tiêu chí về chuẩn năng lực đầu ra, hiệu quả đào tạo và khả năng ứng dụng ngôn ngữ trong môi trường lâm sàng thực tiễn.

Mô hình CIPO cho thấy ưu thế trong việc giải quyết các đặc thù của đào tạo tiếng Anh Y khoa trong khối ngành sức khỏe, đảm bảo:

**Tính toàn diện:** không chỉ kiểm soát đầu ra (Output), CIPO cho phép các nhà quản lý truy xuất ngược lại các biến số từ bối cảnh (Context) và đầu vào (Input). Điều này đặc biệt quan trọng trong đào tạo tiếng Anh chuyên ngành y khoa, nơi mà các yếu tố như chính sách y tế công cộng và nguồn lực giảng viên chuyên môn hóa quyết định trực tiếp đến chất lượng đào tạo.

**Tính tương tác giữa các thành tố:** Thay vì đưa ra các nhận định khái quát, việc vận dụng khung phân tích giúp nhận diện các điểm nghẽn trong hoạt động dạy học thực tế, từ đó thiết lập các can thiệp quản lý dựa trên bằng chứng (evidence-based management) thay vì tuân theo lý thuyết đơn thuần.

**Tối ưu hoá chu trình phản hồi và cải tiến:** CIPO tạo thành vòng lặp kiểm soát chặt chẽ các thành tố. Kết quả đầu ra (Output) không chỉ được xem là số liệu thống kê mà còn là dữ liệu đầu vào để điều chỉnh lại mục tiêu trong bối cảnh mới. Việc điều chỉnh kịp thời sẽ giúp các cơ sở giáo dục đại học thích ứng nhanh chóng với sự thay đổi của các chuẩn năng lực nghề nghiệp y khoa trong kỷ nguyên số.

### *2.1.5. Tiếp cận chức năng quản lý*

Các chức năng quản lý không được xem xét như các thực thể tách rời mà là một chuỗi giá trị liên kết chặt chẽ, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống đào tạo. Dựa trên các nghiên cứu điển hình về quản trị giáo dục (Bùi, 2024; Nguyễn & cs., 2012; Nguyễn, 2003), nghiên cứu xác lập bốn nhóm chức năng:

**Lập kế hoạch (Planning):** Đây Dữ liệu lý thuyết cho thấy việc lập kế hoạch phải dựa trên sự phân tích về nhu cầu của sinh viên khối ngành sức khỏe và các tiêu chuẩn nghề nghiệp y khoa.

**Tổ chức (Organizing):** Chức năng này tập trung vào việc thiết lập cấu trúc, phân bổ nguồn lực giảng viên và cơ sở vật chất kỹ thuật.

**Chỉ đạo (Directing):** Nhấn mạnh vào vai trò điều phối, tạo động lực và hướng dẫn đội ngũ giảng viên, sinh viên thực hiện đúng lộ trình đào tạo đã đề ra.

**Kiểm tra và Đánh giá (Controlling and Evaluating):** Đóng vai trò là công cụ đo lường mức độ tiệm cận giữa kết quả đầu ra thực tế và mục tiêu năng lực ban đầu.

Việc tiếp cận theo chức năng giúp nội hàm hóa các quy trình quản trị lý thuyết vào thực tiễn triển khai chương trình tiếng Anh chuyên ngành, đảm bảo tính kỷ luật và hiệu quả của chuỗi giá trị đào tạo.

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận làm công cụ chủ đạo để xây dựng khung học thuật. Quy trình được thực hiện thông qua các kỹ thuật cụ thể:

**Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết:** Được sử dụng để phân tích các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình đào tạo và việc quản lý dạy học tiếng Anh chuyên ngành. Từ đó, tổng hợp thành các nhóm yếu tố cốt lõi trong mô hình CIPO.

**Phương pháp hệ thống hóa và mô hình hóa:** Dùng để thiết lập mối quan hệ biện chứng giữa các chức năng quản lý và năng lực đặc thù của sinh viên y khoa, giúp tường minh hóa cấu trúc quản lý dạy học.

**Phương pháp phân tích so sánh:** Đối chiếu các quan điểm về tiếp cận năng lực qua các thời kỳ (hành vi và kiến tạo) để xác lập hệ quy chiếu phù hợp cho đào tạo ngôn ngữ y khoa hiện nay.

Sau đó, tác giả tiến hành hệ thống hóa thành các nhóm chủ đề nghiên cứu then chốt: (1) Dạy học theo tiếp cận năng lực; (2) Các chức năng quản lý dạy học trong môi trường đại học đặc thù; (3) Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý dạy học khối ngành sức khỏe. Quá trình khái quát hóa giúp bài báo định hình được một khung lý thuyết nhất quán, làm cơ sở để đánh giá khoảng trống nghiên cứu và đề xuất các hướng đi mới cho khu vực Nam Bộ.

## **2.3. Các khái niệm cơ bản về dạy học theo tiếp cận năng lực**

### *2.3.1. Dạy học theo tiếp cận năng lực*

Tổng hợp các nghiên cứu từ (Curry & Docherty, 2017) và (Mkonongwa, 2018), quan niệm sơ khai về tiếp cận năng lực tập trung chủ yếu vào "năng lực hành vi điểm cuối". Ở giai đoạn này, việc đánh giá thường mang tính nhị phân (đạt hoặc không đạt) dựa trên các chỉ số công việc có thể quan sát trực tiếp. Tuy phù hợp với đào tạo nhân lực kỹ thuật tay nghề cao (Vũ, 2007), hướng tiếp cận này nhận nhiều chỉ trích do bỏ qua các mối liên hệ phức hợp giữa tư duy, sự sáng tạo và bối cảnh thực hiện (Curry & Docherty, 2017). Đặc biệt, trong môi trường y khoa, năng lực ngôn ngữ không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là đảm bảo cho sự an toàn của người bệnh trong thực hành nghề nghiệp.

Các nghiên cứu gần đây (Eliot & Susan, 2019; Hoàng, 2015; Đặng, 2012) đã trình bày quan niệm về tiếp cận năng lực theo hướng lấy người học làm trung tâm. Năng lực được định nghĩa là một tập hợp các thiết kế và thực hiện cách thức làm việc giữa giảng viên và sinh viên,

trong đó:

Cấu trúc năng lực: Là sự tổng hòa của 3 yếu tố Kiến thức (Knowledge), Kỹ năng (Skills) và Thái độ (Attitude).

Bản chất quá trình: Nhấn mạnh vào kinh nghiệm nền tảng và sự trao quyền cho người học trong các quyết định về trải nghiệm học tập (Eliot & Susan, 2019).

Mục tiêu đầu ra: Không chỉ dừng lại ở các chỉ số kỹ thuật, tiếp cận năng lực hướng tới sự phát triển tối đa khả năng của người học thông qua việc chứng minh khả năng học tập thực sự (thực học, thực hành) (Nguyễn, 2022; Đặng, 2012)

Từ những phân tích trên, có thể hiểu năng lực trong đào tạo y khoa không đơn thuần là sự tích lũy tri thức chuyên môn, mà là khả năng vận dụng tích hợp kỹ năng và thái độ để giải quyết các tình huống nghề nghiệp thực tiễn (Bergsmann & c.s., 2015; O'sullivan & Burce, 2014; Hodge & Harris, 2012).

### *2.3.2. Quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực*

Quản lý dạy học (QLDH) theo tiếp cận năng lực là việc chuyển dịch phương thức quản lý quá trình truyền thụ kiến thức sang định hướng hình thành các năng lực hành động cụ thể cho người học. (Nguyễn, 2015). Từ góc độ phân tích của tiếp cận năng lực, quản lý dạy học không còn đơn thuần là việc kiểm soát các hoạt động sư phạm, mà quy chiếu đến quản lý năng lực. Kết quả tổng quan cho thấy, quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực là quá trình tác động có mục đích của chủ thể quản lý vào các thành tố của hệ thống dạy học nhằm chuyển hóa mục tiêu đào tạo thành năng lực thực hiện thực tế của người học (Nguyễn, 2022; Vũ, 2018; Vũ, 2007).

Nội dung quản lý này được cấu trúc dựa trên sự vận hành đồng bộ của các chức năng quản lý cốt lõi gắn liền với đặc thù của đào tạo năng lực:

Lập kế hoạch dạy học: Đây là khâu then chốt, đòi hỏi sự cụ thể hóa các mục tiêu đào tạo thành các chuẩn năng lực đầu ra có thể đo lường được. Kế hoạch quản lý phải đảm bảo tính liên thông giữa yêu cầu của môi trường nghề nghiệp y khoa và nội dung chương trình cho đặc thù nghề nghiệp.

Tổ chức và chỉ đạo hoạt động dạy học: Tập trung vào việc tạo lập môi trường học tập "năng động". Giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, thúc đẩy người học tự thụ đắc tri thức và rèn luyện kỹ năng thông qua các tình huống giả định chuyên ngành. Quá trình này nhấn mạnh vào việc trao quyền cho sinh viên để tối đa hóa khả năng tự học và tương tác.

Kiểm tra và đánh giá kết quả: Chuyển dịch từ đánh giá kiến thức sang đánh giá năng lực thực hiện thông qua hệ thống các chỉ số thực hiện công việc. Hoạt động kiểm tra không chỉ dừng lại ở việc xếp loại mà còn đóng vai trò là cơ sở để điều chỉnh mục tiêu và phương pháp dạy học, đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra đã thiết lập.

Tự trung, quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực là một quá trình quản trị toàn diện, yêu cầu sự kết hợp giữa các chức năng lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra trên tất cả các phương diện của hệ thống giáo dục. Việc vận dụng cách tiếp cận này giúp tạo nên sự cộng hưởng và sức mạnh tổng thể, đảm bảo sinh viên không chỉ nắm vững ngôn ngữ mà còn có khả năng vận dụng an toàn và hiệu quả trong bối cảnh nghề nghiệp thực tế.

### *2.3.3. Quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực*

Quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực (tiếp cận năng lực) một chu trình quản trị khép kín, nơi mỗi chức năng đóng vai trò quyết định đến việc chuyển hóa mục tiêu thành năng lực thực tế:

Lập kế hoạch: thể hiện qua việc cụ thể hóa các chuẩn năng lực đầu ra (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc CEFR) thành các chương trình hành động chi tiết, đảm bảo sự tương thích giữa yêu cầu chuyên môn và năng lực thực hiện (Bùi, 2024; Nguyễn & Nguyễn, 2022; Boyatzis, 1991). Việc lập kế hoạch đòi hỏi sự phân tích kỹ lưỡng về nhu cầu nghề nghiệp để xác lập lộ trình giảng dạy hướng tới việc sử dụng ngôn ngữ linh hoạt (Đặng, 2012), mang tính thực tiễn cao trong các tình huống giả định (Paprock, 1996).

Tổ chức: tối ưu hóa các nguồn lực (giảng viên, cơ sở vật chất) nhằm tạo ra không gian học tập mô phỏng chuyên nghiệp, hỗ trợ tối đa các phương pháp dạy học tích cực (task-based, project-based, CLIL, flipped classroom, blended learning) (Hoàng, 2015).

Chỉ đạo: tập trung vào việc điều phối, truyền cảm hứng và trao quyền cho người học. Trong bối cảnh tiếp cận năng lực, chỉ đạo hướng tới việc thúc đẩy người học tự chủ và tự kiến tạo tri thức thông qua trải nghiệm thực tế (Cole & Scribner, 1978; Rogers, 1969).

Kiểm tra và đánh giá kết quả: Chuyển dịch từ đánh giá lý thuyết sang đánh giá năng lực thực hiện thông qua các bộ tiêu chí định lượng (rubrics) gắn liền với bối cảnh lâm sàng (Curry & Docherty, 2017; Boyatzis, 1991)

#### *2.3.4. Quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực cho sinh viên khối ngành sức khỏe*

Trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, năng lực ngôn ngữ không phải là sự kết hợp giản đơn của kiến thức ngữ pháp hay từ vựng. Theo Lê và Nguyễn (2017), năng lực tiếng Anh chính là khả năng linh hoạt và sử dụng hiệu quả ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp thực tế. Quản lý dạy học tiếng Anh cho sinh viên khối ngành sức khỏe đòi hỏi sự tích hợp chặt chẽ giữa quản lý trong môi trường sư phạm và yêu cầu năng lực hành nghề y. Dựa trên các chức năng quản lý cốt lõi, nội dung này được cụ thể hóa như sau:

Lập kế hoạch: xác định chuẩn năng lực ngôn ngữ Anh tương thích với khung năng lực nghề nghiệp y khoa. Kế hoạch giảng dạy phải được thiết kế dựa trên sự phân tích nhu cầu thực tế của môi trường lâm sàng, đảm bảo mục tiêu đào tạo hướng tới việc sử dụng ngoại ngữ để giải quyết các tình huống chuyên môn, giao tiếp với bệnh nhân và nghiên cứu tài liệu (Nguyễn, 2023; Trịnh, 2023)

Tổ chức: đảm bảo môi trường học tập (thiết lập không gian học tập mô phỏng hoặc tích hợp lâm sàng), bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về phương pháp sư phạm và định hướng giảng viên trở thành người hướng dẫn (Nguyễn & Nguyễn, 2022).

Chỉ đạo: tạo cơ chế khuyến khích sinh viên tự chủ, tăng cường tương tác thông qua các phương pháp học tập dựa trên vấn đề (Problem-based learning) hoặc học tập dựa trên tình huống. Đồng thời, "trao quyền" cho sinh viên thực hành các kỹ năng ngôn ngữ trong các kịch bản nghề nghiệp y tế giả định.

Kiểm tra và đánh giá: Xây dựng hệ thống bảng kiểm (checklists) và tiêu chí đánh giá (rubrics) tập trung vào năng lực thực hiện (Performance-based assessment) thay vì chỉ kiểm tra kiến thức ngôn ngữ lý thuyết. Đồng thời, thiết lập cơ chế phản hồi nhằm nhận diện các điểm yếu trong quy trình đào tạo, từ đó cung cấp bằng chứng khoa học để điều chỉnh mục tiêu và kế hoạch quản lý cho các chu kỳ tiếp theo.

#### *2.3.5. Vận dụng mô hình CIPO vào quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực*

Việc vận dụng mô hình CIPO (Context - Input - Process - Output) trong đào tạo (Vlăsceanu & c.s., 2004) cho phép thiết lập một hệ thống quản trị đồng bộ, giúp nhà quản lý kiểm soát toàn diện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tiếng Anh chuyên ngành y khoa.

Quản lý bối cảnh: Tập trung vào việc phân tích các yêu cầu thực tiễn từ môi trường y tế và chính sách giáo dục để định hướng mục tiêu. Sự tương thích giữa chương trình đào tạo tiếng Anh Y khoa và nhu cầu năng lực tại các cơ sở y tế là chỉ số cốt lõi để điều chỉnh kế hoạch quản lý.

Quản lý đầu vào: Chú trọng vào việc chuẩn hóa các nguồn lực. Điều này bao gồm việc bồi dưỡng đội ngũ giảng viên (về cả ngôn ngữ và y khoa căn bản) và phát triển học liệu dựa trên các tình huống lâm sàng thực tế.

Quản lý quá trình: giám sát việc vận dụng các phương pháp học tập tích cực (Problem-based learning, case-study); đảm bảo môi trường học tập thúc đẩy tối đa sự tương tác và khả năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ Anh của sinh viên; chuyên dịch từ kiểm soát hành chính sang hỗ trợ kiến tạo, khuyến khích sinh viên tự chủ trong việc xây dựng năng lực ngôn ngữ.

## **2.4. Tổng quan nghiên cứu**

### *2.4.1. Nghiên cứu về dạy học theo tiếp cận năng lực*

#### *a. Quốc tế*

Các nghiên cứu về tiếp cận năng lực (Competency-Based Education - CBE) cho thấy một sự chuyển dịch rõ rệt qua hai giai đoạn chính. Giai đoạn đầu, chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa hành vi (Behaviourism), tập trung vào "năng lực hành vi điểm cuối" – những gì người học có thể làm được một cách máy móc (Dewey, 1997; Spady, 1977; Tyler, 1976; Rogers, 1969).

Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện đại (Mkonongwa, 2018; Curry & Docherty, 2017; Mulder & Winterton, 2017) đã phê phán cách tiếp cận này là quá kỹ thuật và thiếu sự xem xét bối cảnh. Họ đề xuất xu hướng tiếp cận năng lực dựa trên thuyết kiến tạo (Constructivism), nhấn mạnh rằng năng lực là một cấu trúc phức hợp bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ được huy động linh hoạt trong các tình huống thực tế.

Mặc dù các mô hình quốc tế đã hoàn thiện về mặt lý luận, nhưng phần lớn vẫn được thiết kế cho các ngành kỹ thuật hoặc kinh tế. Việc vận dụng các khung năng lực này vào lĩnh vực đào tạo ngôn ngữ chuyên ngành sức khỏe, một ngành đặc thù nơi sai sót về ngôn ngữ có thể dẫn đến rủi ro y tế - vẫn chưa được cụ thể hóa trong các mô hình quản lý dạy học quy mô lớn.

#### *b. Việt Nam*

Tại Việt Nam, các nghiên cứu tập trung vào việc cụ thể hóa tiếp cận năng lực trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học (Nguyễn, 2021; Nguyễn & cs., 2012; Vũ, 2007). Các tác giả đã thành công trong việc xác lập khung lý thuyết về quản lý dạy học theo hướng tiếp cận năng lực đầu ra. Các nghiên cứu của (Đỗ, 2011; Hoàng, 2013) nhấn mạnh sự cần thiết của tiếp cận năng lực trong giáo dục đại học, với các yếu tố quan trọng như (1) Tính linh hoạt trong việc tạo ra các lựa chọn học tập chủ động và linh hoạt cho người học; (2) Minh bạch trong đánh giá; (3) Đảm bảo mục tiêu đầu ra, hướng tới việc tạo ra một thể hệ lao động có năng lực thực sự, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

Các nghiên cứu trong nước thường tập trung vào giáo dục phổ thông hoặc dạy nghề. Trong lĩnh vực giáo dục đại học, các nghiên cứu về quản lý dạy học tiếng Anh chuyên ngành, cho khối ngành sức khỏe còn khiêm tốn và chủ yếu dừng lại ở việc mô tả thực trạng, thiếu những đề xuất về một mô hình quản lý hệ thống có khả năng tự điều chỉnh.

### *2.4.2. Nghiên cứu về quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực*

#### *a. Quốc tế*

Các nghiên cứu quốc tế về quản lý dạy học đã có bước chuyển mình mạnh mẽ từ mô hình quản lý tập trung vào quy trình sang quản lý dựa trên kết quả đầu ra (Outcomes-based management). quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực đòi hỏi sự thay đổi trong tư duy quản trị: từ việc giám sát sự tuân thủ giáo án sang việc điều phối các nguồn lực để đảm bảo người học đạt được các chỉ số năng lực thực hiện (Alhajia & cs., 2020; Hansson, 2001).

Nghiên cứu của (Curry & Docherty, 2017) nhấn mạnh, trong môi trường đào tạo chuyên nghiệp, quản lý dạy học phải gắn liền với việc xây dựng hệ thống đánh giá năng lực dựa trên bằng chứng (Evidence-based). Điều này đặt ra yêu cầu cho nhà quản lý phải thiết lập được các "mắt xích" phản hồi giữa kết quả thực hiện của sinh viên và việc điều chỉnh kế hoạch đào tạo.

Tuy nhiên, phần lớn các công trình vẫn tập trung vào các bối cảnh giáo dục chung, chưa đi sâu vào việc giải quyết những thách thức trong quản lý dạy học các chuyên ngành mang tính đặc thù, dẫn đến sự thiếu hụt các khung hướng dẫn cụ thể cho nhà quản lý cấp khoa/bộ môn.

#### *b. Việt Nam*

Tại Việt Nam, vấn đề quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực đã được nhiều tác giả tiếp cận dưới góc độ lý thuyết quản lý hiện đại (Nguyễn, 2022; Nguyễn, 2017). Các công trình này đã chỉ rõ rằng nội dung quản lý dạy học phải bao hàm sự tác động đồng bộ của 4 chức năng: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra. Dù vậy, các nghiên cứu thường có xu hướng:

Tiếp cận đơn lẻ: Chỉ tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học hoặc đánh giá mà chưa nhìn nhận dưới góc độ hệ thống quản lý.

Thiếu tính dự báo: Các biện pháp quản lý thường mang tính giải quyết thực trạng (như thiếu giảng viên, thiếu tài liệu) mà chưa xây dựng được mô hình quản lý dự báo dựa trên chuẩn năng lực nghề nghiệp tương lai của ngành học đặc thù.

Nhìn chung, các nghiên cứu tại Việt Nam đã bắt kịp xu hướng toàn cầu và đã bước đầu xây dựng được các mô hình quản lý chất lượng tiệm cận chuẩn khu vực, nhưng còn nặng tính mô tả thực trạng, thiếu những nghiên cứu chuyên sâu và đo lường tác động của các biện pháp quản lý đối với sự biến đổi năng lực thực tế của người học.

#### *2.4.3. Nghiên cứu về quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực*

##### *a. Quốc tế*

Theo Tyler (2013) và Boyatzi (1991), quản lý dạy học tiếng Anh chuyên ngành đã chuyển dịch mạnh mẽ từ việc quản lý "nội dung" sang quản lý "năng lực thực hiện nghề nghiệp". Các nghiên cứu của (Basturkmen, 2019) và (Hyland, 2014) khẳng định rằng quản lý dạy học tiếng Anh chuyên ngành hiệu quả đòi hỏi sự tham gia của các bên liên quan, trong đó nhà quản lý đóng vai trò kết nối giữa yêu cầu của thị trường lao động và chương trình đào tạo.

Đặc biệt, trong lĩnh vực y khoa, quản lý dạy học tiếng Anh chuyên ngành theo tiếp cận năng lực là việc quản lý khả năng sử dụng ngôn ngữ Anh trong môi trường lâm sàng. Trong đó, cần kể đến các yếu tố: (1) Sự điều hành và thống nhất tiêu chuẩn (Curry & Docherty, 2017) tạo điều kiện cho việc phân loại, xác định kết quả học tập và hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch, cấu trúc đánh giá; (2) Quản lý gắn liền với sứ mệnh đại học, với kế hoạch, chiến lược của trường và hiệu suất công việc (Mahdzir & cs., 2021); (3) Thiết lập các tiêu chuẩn để xác định chất lượng cho toàn bộ hệ thống dạy học ngoại ngữ, từ chương trình, tài liệu, phương pháp dạy học cho đến đánh giá kết quả học tập và các nguồn lực phục vụ (Heyworth, 2013)

Tổng quan nghiên cứu đã chỉ ra một xu thế tất yếu: quản lý dạy học tiếng Anh hiện đại là sự chuyển dịch từ quản lý hành chính đơn thuần sang quản lý tổng thể, định lượng bằng tiêu

chuẩn năng lực cụ thể. Tuy nhiên, các mô hình này thường được áp dụng tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai, trong khi tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngoại ngữ như Việt Nam, việc quản lý còn gặp nhiều rào cản về nguồn lực đầu vào và bối cảnh thực thi.

### b. Việt Nam

Tại Việt Nam, sự chuyển dịch sang dạy học theo tiếp cận năng lực là một yêu cầu tất yếu trong lộ trình đổi mới giáo dục đại học. Các nghiên cứu trong nước đang tập trung giải quyết ba vấn đề cốt lõi sau:

Sự tương thích với khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc: Các nghiên cứu của (Bùi, 2024) và (Nguyễn, 2022) chỉ ra rằng dạy học theo tiếp cận năng lực tại Việt Nam chủ yếu dựa trên việc cụ thể hóa các tiêu chuẩn thực hiện ngôn ngữ của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP). Tuy nhiên, thách thức lớn nhất là việc chuyển hóa các chuẩn chung này thành năng lực chuyên biệt cho sinh viên khối ngành sức khỏe vẫn còn rời rạc.

Mối quan hệ tương tác trong môi trường dạy học: Dựa trên mô hình tương tác giữa giảng viên - sinh viên và môi trường giáo dục, các nghiên cứu trong nước nhấn mạnh vai trò của môi trường học tập tích cực. Việc dạy học không còn là truyền thụ tri thức một chiều mà là quá trình "kiến tạo" năng lực thông qua các hoạt động thực hành mô phỏng lâm sàng. Nhà quản lý đóng vai trò là chủ thể điều phối để đảm bảo các tương tác này diễn ra đúng hướng mục tiêu năng lực.

Hệ thống đánh giá năng lực thực hiện: Các nghiên cứu gần đây bắt đầu chú trọng đến đánh giá dựa trên bằng chứng (Evidence-based assessment). Thay vì chỉ kiểm tra lý thuyết, xu hướng hiện nay là sử dụng các bộ tiêu chí (rubrics) để đánh giá khả năng vận dụng tiếng Anh trong các tình huống chuyên môn thực tế của sinh viên y khoa.

Phần lớn các công trình trong nước mới chỉ dừng lại ở việc thiết kế hoạt động giảng dạy trên lớp, chưa nhìn nhận việc dạy học như một tiến trình tích hợp giữa môi trường học tập và các yêu cầu về năng lực chuyên ngành.

## 2.5. Đánh giá chung về các công trình nghiên cứu

### 2.5.1. Các kết quả đạt được

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến vấn đề quản lý giảng dạy tiếng Anh theo tiếp cận năng lực, có thể đối sánh mô hình quản lý dạy học truyền thống và quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực.

**Bảng 1. So sánh đặc thù của quản lý dạy học**

Thành tố quản lý	Quản lý dựa trên nội dung (Truyền thống)	Quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực
Triết lý	Quản lý sự tuân thủ (Compliance-based)	Quản lý việc thực hiện (Performance-based)
Cơ chế tác động	Tác động một chiều, hành chính hóa quy trình	Tác động hệ thống, nhấn mạnh năng lực thực hiện
Đơn vị đo lường	Thời lượng giảng dạy, điểm số kiến thức	Các tiêu chí đánh giá năng lực, bằng chứng lâm sàng
Sự tương tác	Giảng viên là trung tâm truyền thụ kiến thức	Mối quan hệ tương tác: giảng viên - sinh viên - môi trường

Về xây dựng năng lực tiếng Anh cho sinh viên khối ngành sức khỏe, có thể khái quát bằng ba yếu tố quan trọng:

**Kỹ năng:** Khả năng sử dụng thuật ngữ chuyên ngành và các cấu trúc giao tiếp y khoa cơ bản;

**Ứng dụng nghề nghiệp:** Khả năng giải quyết tình huống lâm sàng, giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường y khoa;

**Thích ứng với môi trường và bối cảnh:** Khả năng tự học, khai thác tài liệu quốc tế và ứng dụng công nghệ (AI, mô phỏng) vào thực hành y khoa.

Nhìn chung, kết quả cho thấy các mô hình tại Việt Nam hiện nay vẫn tập trung chủ yếu vào "Mô hình truyền thống" hoặc mới dừng lại ở việc đổi mới phương pháp giảng dạy đơn lẻ. Khi các chức năng quản lý vận hành theo lối mòn hành chính, các phương pháp dạy học tích cực, ví dụ như dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning) chỉ mang tính hình thức, chưa thực sự chuyên hóa thành năng lực thực hiện cho sinh viên. Sự thiếu hụt một khung quản trị hệ thống như mô hình CIPO chính là nguyên nhân dẫn đến sự đứt gãy giữa đào tạo và yêu cầu thực tế của ngành sức khỏe.

### *2.5.2. Khoảng trống nghiên cứu*

Từ việc phân tích các nghiên cứu trong và ngoài nước về quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực, nghiên cứu nhận thấy các khoảng trống cốt lõi chưa được giải quyết triệt để:

**Sự thiếu hụt mô hình quản trị hệ thống tích hợp:** Đa số các nghiên cứu hiện nay tại Việt Nam tập trung vào việc đổi mới phương pháp giảng dạy, nhưng lại thiếu tính kết nối với các chức năng quản lý cốt lõi (Lập kế hoạch - Tổ chức - Chỉ đạo - Kiểm tra) nhằm tạo thành một chu trình khép kín. Ngoài ra, việc thiếu khung phân tích như CIPO khiến các biện pháp quản lý trở nên rời rạc, thiếu tính dự báo và điều chỉnh.

**Tính đặc thù chưa được nội hàm hóa:** Mặc dù tiếp cận năng lực là xu hướng chung, nhưng các nghiên cứu quản lý hiện hữu chưa thực sự lồng ghép được các tiêu chuẩn "đặc thù ngành nghề" vào quy trình quản lý dạy học ngoại ngữ. Có sự đứt gãy giữa yêu cầu về năng lực thực hành tiếng Anh vào môi trường nghề nghiệp thực tế và cơ chế quản lý đào tạo ngôn ngữ tại các trường đại học sức khỏe.

**Thiếu cơ chế phản hồi:** kết quả đầu ra (Output) cần có tác động ngược lại để tái cấu trúc các yếu tố đầu vào (Input) và bối cảnh (Context). Các nghiên cứu trước đây thường coi quản lý là một tiến trình tuyến tính thay vì một hệ thống tự điều chỉnh.

### *2.5.3. Đóng góp mới của nghiên cứu*

Nghiên cứu đề xuất một khung quản lý dạy học tiếng Anh chuyên ngành sức khỏe tích hợp mô hình CIPO, nơi các chức năng quản lý được xuyên suốt qua mọi thành tố của hệ thống. Đây là một nỗ lực nhằm lấp đầy khoảng trống về tính đồng bộ và tính đặc thù chuyên ngành trong quản lý giáo dục khối ngành sức khỏe.

## **3. Kết luận**

Kết quả phân tích hệ thống cơ sở lý luận về quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực cho sinh viên ngành Y đa khoa đã đạt được những điểm mới và quan trọng: Quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực là một hệ thống tương tác đa chiều, nơi nhà quản lý đóng vai trò chủ thể điều phối mối quan hệ tương tác giữa giảng viên - sinh viên - môi trường; Mô hình CIPO tích hợp các chức năng quản lý là công cụ hữu hiệu để khắc phục tính rời rạc trong đào tạo tiếng Anh khối ngành sức khỏe hiện nay; Năng lực tiếng Anh trong ngành y phải

được quản lý như một "năng lực nghề nghiệp", gắn liền với thực hành lâm sàng thay vì một môn học ngôn ngữ thuần túy.

#### **Tài liệu tham khảo**

- Alhajia, I. M., Wun, T. Y., & Abd Razak, N. (2020). Models of program evaluation for teacher education training. *International Journal of Innovation, Creativity and Change*, 12(8), 540-554.
- Basturkmen, H. (2019). ESP teacher education needs. *Language Teaching*, 52(3), 318-330. <https://doi.org/10.1017/S0261444817000398>
- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Bergsmann, E., Schultes, M.-T., Winter, P., Schober, B., & Spiel, C. (2015). Evaluation of competence-based teaching in higher education: From theory to practice. *Evaluation and Program Planning*, 52, 1-9. <https://doi.org/10.1016/j.evalproplan.2015.03.001>
- Boyatzis, R. E. (1991). The Competent Manager: A Model for Effective Performance. Trong *The Competent Manager: A Model for Effective Performance*. John Wiley & Sons.
- Bùi, Đ. T. (2024). *Giáo trình Quản lý Nhà nước về Giáo dục*. Trường Đại học Sài Gòn.
- Cole, M., & Scribner, S. (1978). *Vygotsky, Lev S. (1978): Mind in Society. The Development of Higher Psychological Processes*. Harvard University Press.
- Curry, L., & Docherty, M. (2017). Implementing Competency-Based Education. *Collected Essays on Learning and Teaching*, 10, 61–73.
- Dewey, J. (1997). *Experience and Education*. Free Press.
- Đặng, T. H. (2012). Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực. *Tạp chí Quản lý giáo dục*, 43, tháng 12/2012, 18-26.
- Đỗ, N. T. (2011). Xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 68.
- Eliot, L., & Susan, P. (2019). What Is Competency-Based Education? An Updated Definition. *Aurora Institute*. Truy cập từ <https://aurora-institute.org/resource/what-is-competency-based-education-an-updated-definition/>
- Hansson, B. (2001). Competency models: Are self-perceptions accurate enough? *Journal of European Industrial Training*.
- Heyworth, F. (2013). Applications of quality management in language education. *Language Teaching*, 46(3), 281-315. <https://doi.org/10.1017/S0261444813000025>
- Hoàng, H. B. (2015). Năng lực và đánh giá theo năng lực. *Tạp chí Khoa học*, (6 (71)), 22. [https://doi.org/https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.6\(71\).667\(2015\)](https://doi.org/https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.6(71).667(2015))
- Hoàng, T. T. M. (2013). Phát triển chương trình đại học theo cách tiếp cận năng lực: Xu thế và nhu cầu. *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, 9(1). Truy cập từ <https://vjol.info.vn/index.php/kttc/article/view/12287>
- Hodge, S., & Harris, R. (2012). Discipline, governmentality and 25 years of competency-based training. *Studies in the Education of Adults*, 44(2), 155-170. <https://doi.org/10.1080/02660830.2012.11661630>

- Hyland, K. (2014). *English for Academic Purpose*. Routledge.
- Lê, V. C., & Nguyễn, T. N. (2017). Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 có thể học được gì từ kinh nghiệm Châu Á? *Tạp chí nghiên cứu nước ngoài*, 4(33), 10-33. <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4166>
- Mahdzir, M. N., Abd Rahim, A. S. A., Mohd Seni, M. K., & Othman, A. K. (2021). Integrating competency based-management into individual development plan for university staff. *Advances in Business Research International Journal*, 7(1), 117-128.
- Mkonongwa, D. L. M. (2018). *Competency-based teaching and learning approach towards quality education*. Truy cập từ <https://www.semanticscholar.org/paper/Competency-based-teaching-and-learning-approach-Mkonongwa/3c9e58278db5a26a24bd576328946a622ba994bb>
- Mulder, M., & Winterton, J. (2017). *Competence-based Vocational and Professional Education*. Springer.
- Nguyễn, H. H. (2022). Mô hình dạy học theo tiếp cận năng lực trong đào tạo giáo viên kỹ thuật. Luận án Tiến sĩ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam]. Truy cập từ <https://luanvan.moet.gov.vn/?page=1.24&view=39337>
- Nguyễn, T. H. P. (2021). Quản lý hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Vinh Truy cập từ: <https://luanvan.moet.gov.vn/?page=1.24&view=37415>
- Nguyễn, T. K. (2022). Quản lý dạy học tiếng Anh tại các trung tâm ngoại ngữ tư thục thành phố Hà Nội trong bối cảnh hội nhập. Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội. Truy cập từ <http://luanvan.moet.edu.vn/?page=1.1&view=40608>
- Nguyễn, T. L. A., & Nguyễn, T. K. N. (2022). Phát triển đội ngũ giảng viên ngoại ngữ theo tiếp cận năng lực. *TNU Journal of Science and Technology*, 227(06), 111-119.
- Nguyễn, T. M. L. (2003). *Đại cương về Quản lý giáo dục học đại cương*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn, T. H. (2023). Quản lý dạy học tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ tại các trường đại học theo tiếp cận năng lực. Luận án Tiến sĩ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam]. Truy cập từ <http://vnies.edu.vn/tin-tuc/dao-cao-tien-si/18662/thong-tin-luan-an-quan-ly-day-hoc-tieng-anh-cho-sinh-vien-khong-chuyen-ngu-tai-cac-truong-dai-hoc-theo-tiep-can-nang-luc-%E2%80%9D-cua-nghien-cuu-sinh-nguyen-thi-hanh>
- Nguyễn, T. M. L., Đặng, Q. B., Nguyễn, T. H., Nguyễn, Q. C., & Nguyễn, S. T. (2012). *Quản lý giáo dục-một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn, T. T. H. (2017). *Quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Anh trường Trung học phổ thông Tân Trào thành phố Tuyên Quang theo tiếp cận phát triển năng lực người học*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. Truy cập từ [http://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU\\_123/33566](http://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU_123/33566)
- O'sullivan, N., & Burce, A. (2014). Teaching and learning in competency-based education. *The Fifth International Conference on e-Learning (eLearning-2014)*, 22-23.
- Paprock, K. E. (1996). Conceptual structure to develop adaptive competencies in professional. *IPN Ciencia, Arte: Cultura, Nueva Epoca*, 2(8), 22-25.
- Rogers, C. (1969). *Freedom to Learn*. <https://www.panarchy.org/rogers/learning.html>

- Spady, W. G. (1977). Competency based education: A bandwagon in search of a definition. *Educational Researcher*, 6(1), 9-14.
- Thủ tướng Chính phủ. (2008). *Quyết định số 1400/QĐ-TTG ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020"*
- Trịnh, T. H. (2023). Quản lý dạy học môn tiếng Anh cho sinh viên ở các trường đại học khối ngành nghệ thuật theo tiếp cận năng lực. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tyler, R. W. (1976). Perspectives on American Education: Reflections on the Past... Challenges for the Future. *Perspectives on American Education: Reflections on the Past... Challenges for the Future*.
- Vlăsceanu, L., Grünberg, L., & Pârlea, D. (2004). *Quality assurance and accreditation: A glossary of basic terms and definition*. Bucharest: Unesco-Cepes.
- Von Bertalanffy, L., & John W., S. (1974). General systems theory: Foundations, developments, applications. *IEEE*, 592-592. <https://doi.org/10.1109/TSMC.1974.4309376>
- Vũ, T. T. H. (2018). *Quản lý phát triển chương trình nhà trường theo hướng tiếp cận năng lực đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông tổng thể mới tại các trường trung học cơ sở huyện An Dương, thành phố Hải Phòng*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Vũ, X. H. (2007). Năng lực thực hiện và việc xây dựng chuẩn năng lực thực hiện người giáo viên dạy nghề. *Journal of Technical Education Science*, (3), 26-31.